

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8- ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 27/11/2025  
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;
2. Bà Cao Thị Diệu Hiền;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2025/TLST- HNGĐ, ngày 07/10/2025 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/11/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Nhật P, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Minh V, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, văn bản ý kiến và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Nhật P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Lê Minh V được mai mối nên quen biết nhau vào năm 2000, sau thời gian tìm hiểu có tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2002 (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp).

Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V thay đổi tính tình, hay ghen tuông vô cớ, dùng lời lẽ xúc

phạm, đe dọa giết chị P nên chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 6 năm 2025 cho đến nay. Thời gian sống ly thân thì anh V cũng động viên chị P về chung sống trở lại nhưng chị P không còn tin tưởng anh V, chị sợ anh V giết chị nên chị không đồng ý đoàn tụ chung sống. Hiện nay tình cảm không còn nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh V.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Vĩnh K sinh năm 2000 và Lê Lâm Phúc K1, sinh ngày 24/03/2014.

Chị P yêu cầu được nuôi cháu Phúc K1 sau khi ly hôn, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp cháu Phúc K1 muốn sống với anh V thì chị P cũng đồng ý giao cháu cho anh V nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị P không cấp dưỡng nuôi cháu Phúc K1 (hiện cháu Phúc K1 đang sống với anh V). Tại phiên tòa, do cháu Phúc K1 đang sống với anh V và cháu K1 cũng có nguyện vọng được sống với anh V nên chị P đồng ý giao cháu Phúc K1 cho anh V nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị P không cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Vĩnh K đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa anh Lê Minh V trình bày:*

Thời gian chung sống như chị P trình bày là đúng, vợ chồng có quen biết, tìm hiểu nhau khoảng vài tháng thì tiến đến hôn nhân, được gia đình tổ chức cưới vào năm 1999 và chung sống với nhau đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian chung sống đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, do làm ăn thất bại nên vợ chồng cãi nhau. Anh V không thừa nhận có hành vi bạo lực gia đình và đe dọa giết chị P. Chị P về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2025 nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh V cũng động viên chị P về chung sống trở lại nhưng chị P không đồng ý, anh V cũng không có biện pháp nào để vợ chồng chung sống trở lại.

Hiện nay do còn tình cảm với chị P nên anh V không đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Vĩnh K sinh năm 2000 và Lê Lâm Phúc K1, sinh ngày 24/03/2014.

Nếu trường hợp phải ly hôn thì anh V đồng ý nuôi Phúc Khang sau khi ly hôn, anh V không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Vĩnh K đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên anh V cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Trần Nhật P được ly hôn với anh Lê Minh V.

Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị P. Giao cháu Lê Lâm Phúc K1 cho anh V nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: chị P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V không yêu cầu. Lê Vĩnh K đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên chị P và anh V không yêu cầu giải quyết do đó không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị P và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Trần Nhật P và anh Lê Minh V là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Nhật P và anh Lê Minh V chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và kinh tế nên chị P đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2025 vì vậy vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy, từ khi chị P và anh V sống ly thân với nhau đến nay, thời gian cũng đã lâu nhưng anh V, chị P cũng không thể đoàn tụ chung sống lại được. Chị P không còn tình cảm với anh V nên vẫn kiên quyết ly hôn, anh V mặc dù trình bày vẫn còn tình cảm với chị P nhưng anh cũng không có biện pháp nào để vợ chồng chung sống lại với nhau. Từ đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị P và anh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Nhật P với Lê Minh V.

[2.2] Về con chung: chị P giao cháu Phúc K1 cho anh V nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị P không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Minh V đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phúc K1 sau khi ly hôn. Anh V cũng không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi chị P và anh V sống ly thân cháu Phúc K1 sống với anh V cho đến nay cuộc sống của cháu đã ổn định, anh V cũng đảm bảo cuộc sống cho cháu K1. Nguyên vọng của cháu cũng muốn được sống với anh V. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu K1 nên giao cháu cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh V không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Lê Vĩnh K, chị P và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: chị P và anh V trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: chị P và anh V trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Trần Nhựt P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và luật sửa đổi một số điều luật tố tụng dân sự 2025.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Nhựt P.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Trần Nhựt P được ly hôn với anh Lê Minh V.

2. *Về con chung:* giao cháu Lê Lâm Phúc K1 sinh ngày 24/03/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu Phúc K1 đang sống với anh V).

Sau khi ly hôn, chị P có quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* chị P và anh V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị P và anh V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Trần Nhật P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp ngày 07/10/2025 theo biên lai số 0003774 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được chuyển thành án phí chị P phải nộp.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Phòng THA DS Khu vực 8;
- UBND xã Phú Hựu (xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành): số 62 ngày 11/09/2002;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Loan**